

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 290/2019/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 6 năm 2019, giữa:

- *Nguyên đơn*: Chị Nguyễn Thị M - sinh năm 1988.

Địa chỉ: Khu 1, ấp M, xã L, huyện Đ, tỉnh Đồng Nai.

- *Bị đơn*: Anh Đinh Văn T – sinh năm 1985.

Địa chỉ: Khu 1, ấp M, xã L, huyện Đ, tỉnh Đồng Nai.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 08 tháng 7 năm 2019.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 08 tháng 7 năm 2019 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Chị Nguyễn Thị M và anh Đinh Văn T.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về con chung: Giao cháu Đinh Thị Phương T1 – sinh ngày 22/8/2008 cho anh Đinh Văn T; Giao cháu Đinh Phương Ngọc N – sinh ngày 01/12/2015 cho chị Nguyễn Thị M để anh T, chị M trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

2.2. Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Các đương sự không yêu cầu nên không xem xét.

Chị M, anh T có quyền thăm nom, chăm sóc con chung, không ai được cản trở. Vì quyền lợi của con chung chị M và anh T có quyền yêu cầu thay đổi việc nuôi con; cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

2.3. Về tài sản chung: Ghi nhận thỏa thuận ngày 05/7/2019 của anh Đinh Văn T, chị Nguyễn Thị M về việc tự phân chia tài sản chung của vợ chồng như sau:

+ Anh Đinh Văn T được quyền sở hữu, quản lý, sử dụng: 01 căn nhà diện tích 75m² loại nhà cấp 4 nền lát gạch men, tường xây, mái tôn kèm cùng các tài sản trên đất - gắn với diện tích đất 660m² đất thuộc thửa 148 tờ bản đồ số 30 tọa lạc ấp M, xã L; Đất rẫy xoài diện tích 5.244m² cùng với 250 cây xoài 01 năm tuổi thuộc thửa 93 tờ bản đồ số 14 tọa lạc ấp M, xã L.

Chị Nguyễn Thị M, Đinh Văn T có trách Nệm làm thủ tục chuyển tên QSDĐ cho anh Đinh Văn T tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định của pháp luật.

+ Anh T có nghĩa vụ trả giá trị tài sản chênh lệch cho chị M số tiền 170.000.000 đồng (một trăm bảy mươi triệu đồng).

Trong trường hợp bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì bên đó phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên đương sự nhưng không được vượt quá mức lãi suất quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật Dân sự 2015; nếu không thỏa thuận được thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự 2015.

2.4. Án phí hôn nhân và gia đình 150.000đ: chị Nguyễn Thị M tự nguyện chịu. Chị M đã nộp tạm ứng án phí 300.000đ (theo biên lai thu số 0002320 ngày 18/6/2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ), chuyển thu án phí 150.000đ nên chị M được hoàn lại 150.000đ.

- Án phí chia tài sản: chị M, anh T không phải chịu theo quy định tại điểm d khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Chị M đã nộp tạm ứng án phí 7.656.000đ (theo biên lai thu số 0002326 ngày 18/6/2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ) nên được hoàn lại.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND huyện Đ;
- UBND xã L;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Lê Xuân Hòa